

**UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
30/6/2017**

- Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- Kết quả SXKD hợp nhất
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- Thuyết minh BCTC hợp nhất

Mẫu số B01 - DN

Mẫu số B02 - DN

Mẫu số B03 - DN

Mẫu số B09 - DN

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính : VNĐ

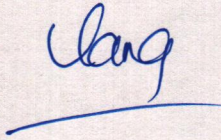
TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.249.123.534.187	2.195.861.263.987
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		404.875.067.899	512.986.067.928
1. Tiền	111		113.875.067.899	197.486.067.928
2. Các khoản tương đương tiền	112		291.000.000.000	315.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		112.181.610.000	197.181.610.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		112.181.610.000	197.181.610.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.494.058.206.861	1.240.670.888.600
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		567.892.341.048	491.881.510.892
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		655.215.060.830	471.520.296.197
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		165.766.309.159	168.766.309.159
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		98.659.571.871	101.982.413.684
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(25.000.000)	(25.000.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		6.549.923.953	6.545.358.668
IV. Hàng tồn kho	140		207.171.770.679	170.332.332.727
1. Hàng tồn kho	141		207.171.770.679	170.332.332.727
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		30.836.878.748	74.690.364.732
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		8.120.454.379	33.302.101.151
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		17.513.613.562	35.469.441.151
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	153		5.174.172.807	5.918.822.430
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		28.638.000	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.848.338.302.496	2.345.921.310.658
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		20.341.936.298	310.194.574.040
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		16.938.183.135	247.809.671.435
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		90.000.000	3.254.470.807
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	216		3.410.088.545	59.226.767.180
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(96.335.382)	(96.335.382)
II. Tài sản cố định	220		616.242.467.711	663.877.510.335
1. Tài sản cố định hữu hình	221		577.077.273.237	624.853.698.004
- Nguyên giá	222		942.272.350.487	1.016.061.595.255
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(365.195.077.250)	(391.207.897.251)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		39.165.194.474	39.023.812.331
- Nguyên giá	228		42.671.913.603	42.389.660.703
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.506.719.129)	(3.365.848.372)
III. Bất động sản đầu tư	230		72.954.783.114	278.973.191.951
- Nguyên giá	231		94.868.315.259	345.056.263.115
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(21.913.532.145)	(66.083.071.164)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		597.253.052.868	551.076.592.579
1. Chi phí sản xuất, KD dở dang dài hạn	241		422.775.075.253	420.204.247.337
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		174.477.977.615	130.872.345.242
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		324.419.182.013	330.047.005.373

1. Đầu tư vào công ty con	251		31.466.433.001	31.466.433.001
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		245.386.657.420	240.830.849.135
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		47.027.750.000	57.225.965.110
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		538.341.592	523.758.127
VI. Tài sản dài hạn khác	260		217.126.880.492	211.752.436.380
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		217.126.880.492	211.752.436.380
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		4.097.461.836.683	4.541.782.574.645
NGUỒN VỐN	MÃ SỐ		SỐ CUỐI KỲ	SỐ CUỐI KỲ
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		2.122.013.400.061	2.368.736.379.026
I. Nợ ngắn hạn	310		1.774.839.355.942	1.777.391.082.439
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		200.787.244.345	190.169.825.586
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		11.918.506.682	19.921.394.906
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		6.640.781.740	55.232.360.567
4. Phải trả người lao động	314		7.774.787.286	13.649.200.572
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		7.764.985.857	67.861.888.215
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ hợp đồng XD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		6.523.075.457	12.234.186.268
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		212.426.373.377	295.903.037.625
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		1.283.886.038.232	1.084.781.843.081
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		37.117.562.966	37.637.345.619
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		-	-
II. NỢ DÀI HẠN	330		347.174.044.119	591.345.296.587
1. Phải trả dài hạn người bán	331		3.853.697.306	4.526.433.306
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		79.522.949.988	79.522.949.988
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả dài hạn nội bộ	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		115.845.337.935	202.045.529.589
7. Phải trả dài hạn khác	337		130.909.197.364	142.430.340.489
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		17.042.861.526	162.820.043.215
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		1.975.448.436.622	2.173.046.195.619
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.975.448.436.622	2.173.046.195.619
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.740.821.713.091	1.800.180.290.470
-Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.740.821.713.091	1.800.180.290.470
-Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.068.171.139	8.068.171.139
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	80.012.486.535
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		33.786.994.583	64.267.129.623
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		256.225.000	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(24.175.988.733)	1.324.052.912
-LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(30.593.494.181)	(20.466.031.146)
-LNST chưa phân phối lũy kỳ này	421b		6.417.505.448	21.790.084.058

11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		19.068.404.117	19.068.404.117
12. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		197.622.917.425	200.125.660.823
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.097.461.836.683	4.541.782.574.645

Ngày 10 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu



Nguyễn Thu Hằng

Kế toán trưởng



Đỗ Tuệ Tâm

Tổng giám đốc



Vũ Thanh Sơn

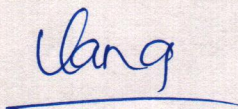
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
6 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính : VNĐ

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4
1. DT bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1.936.839.249.731	2.324.051.407.263
2. Các khoản giảm trừ	02	9.412.157.252	7.864.243.359
3. DT thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10	1.927.427.092.479	2.316.187.163.904
4. Giá vốn hàng bán	11	1.715.702.902.267	2.153.179.249.634
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV	20	211.724.190.212	163.007.914.270
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	40.299.498.673	243.374.352.075
7. Chi phí tài chính	22	34.748.921.894	51.349.835.505
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	30.506.375.808	57.156.190.717
8. Chi phí bán hàng	24	118.851.488.845	123.094.923.119
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	87.107.253.032	164.669.412.401
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	30	11.316.025.114	67.268.095.320
11. Thu nhập khác	31	3.316.290.302	23.815.534.623
12. Chi phí khác	32	3.130.194.529	24.532.118.177
13. Lợi nhuận khác	40	186.095.773	(716.583.554)
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	50		
15. Tổng LN KT trước thuế (60=30+40)	60	11.502.120.887	66.551.511.766
16a. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	1.733.710.761	14.494.199.245
16b. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62		
17. LN sau thuế TNDN	70	9.768.410.126	52.057.312.521
17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số		1.844.602.696	2.606.551.706
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông TCT		7.923.807.430	49.450.760.815
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80		

Lập ngày 10 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu



Nguyễn Thu Hằng

Kế toán trưởng



Đỗ Tuệ Tâm

Tổng giám đốc



Vũ Thanh Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)
6 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính : VNĐ

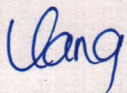
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	4	5
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1.255.709.550.507	1.889.455.479.442
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(959.073.784.107)	(1.185.007.856.702)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(75.009.840.688)	(83.436.342.743)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(22.461.768.052)	(31.555.108.728)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(2.960.845.881)	(5.118.443.950)
6. Tiền thu khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	06	1.199.020.654.650	1.524.501.217.714
7. Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh	07	(908.678.680.828)	(951.929.165.586)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	486.545.285.601	1.156.909.779.447
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		-	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(3.508.888.013)	(13.052.500.741)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	197.725.106	716.210.198
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(127.700.000.000)	(421.550.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	220.700.000.000	24.658.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(5.789.770.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	27.887.622.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.442.949.409	3.456.625.385
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	85.342.016.502	(377.884.043.158)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		-	-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	223.716.601	376.978.966.638
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(200.000.000.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.218.919.097.132	1.244.138.895.214
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.899.141.149.573)	(2.313.263.689.866)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(691.729.230)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(679.998.335.840)	(892.837.557.244)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(108.111.033.737)	(113.811.820.955)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	512.986.067.928	512.919.379.896
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	33.708	14.075.464
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	404.875.067.899	399.121.634.405

Lập ngày 10 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc









Nguyễn Thu Hằng

Đỗ Tuệ Tâm

Vũ Thanh Sơn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
30/6/2017

I- Đặc điểm hoạt động của Tổng công ty

- 1- Hình thức sở hữu vốn: Vốn Nhà Nước
- 2- Lĩnh vực kinh doanh: Trong nước, ngoài nước
- 3- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh xuất nhập khẩu, Thương mại nội địa, Đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng thương mại.
- 4- Tổng số các Công ty con: 11 Công ty
- 5- Danh sách các Công ty quan trọng được hợp nhất:

5.1- Công ty mẹ - Tổng công ty

Địa chỉ: 38-40 Lê Thái Tổ - Hoàn Kiếm – Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

5.2- Công ty CP Thực phẩm Hà Nội

Địa chỉ: 24 – 26 Trần Nhật Duật – Hoàn Kiếm – Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51.567%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51.567%

5.3- Công ty CP TMDV Tràng Thi

Địa chỉ: 12 – 14 Tràng Thi – Hoàn Kiếm – Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 53.33%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 53.33%

5.4- Công ty Cổ phần Thủy Tạ

Địa chỉ: Số 1 -6 Lê Thái Tổ – Hoàn Kiếm – Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51.245%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51.245%

5.5- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Chợ Bưởi

Địa chỉ: Chợ Bưởi – Phường Bưởi – Tây Hồ - Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 62%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 62%

5.6- Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu

Địa chỉ: Thái Tân - Nam Sách - Hải Dương

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%

5.7- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công mỹ nghệ và Du lịch thương nhân Hapro

Địa chỉ: 11B Tràng Thi – Hoàn Kiếm – Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 52.5%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 52.5%

5.8- Công ty Cổ phần Sự kiện và ẩm thực Hapro

Địa chỉ: 172 Ngọc Khánh – Ba Đình – Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%

5.9- Công ty Cổ phần Rượu Hapro

Địa chỉ: KCN Thực phẩm Hapro – Lệ Chi – Gia Lâm – Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 54.58%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 54.58%

5.10- Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Hapro Đà Nẵng

Địa chỉ: Lô A1-3 Lê Văn Hiến, Quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 78.575%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 78.575%

5.11- Công ty Cổ phần Phát triển siêu thị Hà Nội

Địa chỉ: 38-40 Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 83.42%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 83.42%

- Về hiệu quả hoạt động kinh doanh:

Tổng công ty Thương mại Hà Nội đã có những tăng trưởng đáng ghi nhận trong 6 tháng đầu năm 2017 :

- Tổng số vốn chủ sở hữu của TCT: 1.975 tỷ đồng;
- Tổng vốn nhà nước: 1.789 tỷ đồng;
- Tổng doanh thu: 1.971 tỷ đồng;
- Lợi nhuận: 11,502 tỷ đồng;

1.1 Về thương mại nội địa: - Tổng doanh thu phục vụ Tết Nguyên đán Đinh Dậu 2017 của Tổng công ty đạt 260 tỷ đồng.

- Công tác dự trữ hàng hóa cứu trợ và tham gia bình ổn giá: năm 2017 mặc dù không có chương trình hỗ trợ vốn vay ưu đãi cho chương trình Bình ổn giá, Tổng công ty vẫn chủ động đăng ký tham gia dự trữ hàng hóa bằng nguồn vốn huy động và vốn tự có của doanh nghiệp để dự trữ hàng hóa phục vụ công tác cứu trợ, bảo lữ với số tiền là 21 tỷ đồng; đồng thời tiếp tục triển khai thực hiện việc dự trữ và luân chuyển hàng hóa trong phục vụ chương bình ổn giá theo Kế hoạch đã xây dựng và đăng ký với Sở Công Thương (từ tháng 9/2016 đến hết tháng 7/2017) với số tổng giá trị khoảng trên 500 tỷ đồng.

- Công tác phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh thương mại nội địa: Trước những khó khăn của tình hình kinh tế nói chung trong giai đoạn hiện nay, Tổng công ty đang tiếp tục tiến hành cải tạo, nâng cấp, chỉnh trang lại một số Siêu thị, cửa hàng tiện ích Hapromart đồng thời mở rộng và phát triển hệ thống Siêu thị mang thương hiệu Unimart-Seika.

Tổng công ty tiếp tục tích cực tham gia các chương trình XTTM, liên kết giữa các địa phương, vùng miền; chủ động phát triển mối liên kết, hợp tác với các doanh nghiệp sản xuất, cung ứng sản phẩm để khai thác, phát triển nguồn hàng kinh doanh và phân phối, góp phần nâng cao chất lượng cung cấp các sản phẩm dịch vụ, tăng tính cạnh tranh cho hệ thống như chương trình kết nối, tiêu thụ nông sản thực phẩm của tỉnh Sơn La tại Hà Nội; chương trình kết nối hợp tác, đẩy mạnh việc tiêu thụ các sản phẩm các tỉnh Miền Nam tại thị trường Hà Nội và hệ thống siêu thị của TCT... Đồng thời trong 06 tháng đầu năm, bên cạnh việc tổ chức kinh doanh các mặt hàng truyền thống, Tổng công ty đã tổ chức quảng bá, xúc tiến bán hàng một số sản phẩm mới như: táo và nước táo Joly Red – Hà Lan, mặt hàng Quýt - Úc trong hệ thống của TCT cũng như tới các mối quan hệ thân tình, cơ quan ban ngành ...

1.2 Về hoạt động Xuất khẩu: Tổng Kim ngạch XK ước đạt 58,6 triệu USD, đạt 35% kế hoạch năm, bằng 81% so với cùng kỳ 2016. Trong đó Công ty Mẹ - TCT vẫn là đơn vị chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng kim ngạch xuất khẩu của TCT (*chiếm 75% tỷ trọng kim ngạch XK toàn TCT*)

Trước tác động của tình hình thế giới, nhu cầu và thị trường xuất khẩu vẫn chưa có sự tăng trưởng tốt, một số đơn vị thuộc TCT cũng đã cố gắng và nỗ lực trong việc tận dụng cơ hội về mùa vụ, tập trung nguồn lực, ưu tiên đẩy mạnh xuất khẩu nhưng nhìn chung, ngoài 03 mặt hàng chủ lực là gạo, hạt điều và thủ công mỹ nghệ có sự tăng trưởng so với cùng kỳ năm 2016 (*trong đó kim ngạch XK mặt hàng gạo 06 tháng đầu năm đạt 6,9 triệu USD, chiếm 11,8% tổng kim ngạch XK, tăng 43% so với cùng kỳ năm 2016; mặt hàng hạt điều đạt 32,75 triệu USD, chiếm 56% tổng kim ngạch XK, tăng 13% so với cùng kỳ năm 2016; mặt hàng TCMN đạt 3,45 triệu USD, chiếm 6% tổng kim ngạch XK, tăng 22% so với cùng kỳ năm 2016*), còn lại kim ngạch XK của các mặt hàng khác đều giảm dẫn đến hoạt động kinh doanh XK chung của TCT trong 6 tháng 2017 có giảm sút so với cùng kỳ năm 2016.

Với mục tiêu đẩy mạnh hoạt động XK, bên cạnh việc tiếp tục mở rộng sự hợp tác, tạo lập và phát triển mối liên kết giữa các đơn vị trong TCT, hình thành các chân hàng và bạn hàng vệ tinh, Tổng công ty vẫn đang tiếp tục đẩy mạnh hoạt động XTTM, khảo sát thị trường sang một số thị trường trọng điểm, có nhiều tiềm năng như: Châu Phi (Angola, Mozambique,...), Cuba và một số nước Châu Âu và khu vực Đông Âu,... để đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu, cũng như tìm kiếm nguồn hàng nhập khẩu về phục vụ cho nhu cầu phân phối, tiêu dùng trong nước.

1.3 Công tác đầu tư, phát triển hạ tầng thương mại và quản lý mạng lưới:

- Tiếp tục thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư một số dự án của TCT đồng thời rà soát lại một số các dự án dở dang để xây dựng phương án xử lý, đảm bảo hiệu quả của dự án sau này.

- Về công tác quản lý mạng lưới: Bên cạnh việc tiếp tục thực hiện công tác quản lý, theo dõi, ký hợp đồng thuê nhà, đất với cơ quan nhà nước và nghiên cứu đề xuất phương án xử lý, khai thác để nâng cao hiệu quả tại các địa điểm mạng lưới, Tổng công ty đã tiến hành rà soát, hoàn thiện hồ sơ pháp lý, xây dựng và được UBND Thành phố ban hành quyết định phê duyệt phương án sử dụng cơ sở, nhà đất của Tổng công ty sau CPH

1.4 Công tác cổ phần hóa và đổi mới doanh nghiệp:

Trong 6 tháng đầu năm, Tổng công ty đang tập trung quyết liệt triển khai để thực hiện đúng tiến độ các bước trong quy trình cổ phần hóa Công ty Mẹ -TCT, đến thời điểm hiện tại, UBND Thành phố Hà Nội đã có Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty Mẹ - Tổng công ty tại thời điểm 30/6/2016. Hiện tại Tổng công ty đang hoàn thiện phương án cổ phần hóa Tổng công

ty, báo cáo UBND Thành phố xem xét, phê duyệt để triển khai thực hiện các bước tiếp theo của quy trình.

- Công tác đối ngoại, Xúc tiến thương mại và Marketing:

Với vai trò là một công cụ và chức năng chính nhằm hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động SXKD chung của TCT, công tác đối ngoại, XTTM và Marketing của TCT tiếp tục được Lãnh đạo TCT quan tâm, chỉ đạo sát sao và đã đạt được những kết quả tốt, góp phần thực hiện tốt và nâng cao hiệu quả trong công tác kinh doanh thương mại nội địa, phục vụ Tết Nguyên đán 2017, cũng như thúc đẩy hoạt động kinh doanh XK của TCT, cụ thể như:

+ Tổ chức các chương trình, sự kiện lớn của TCT như Lễ khai mạc Điểm bán hàng theo mô hình “Chợ Tết” 2017 tại Chợ Mỹ Cầu, xã Đồng Tân, huyện Ứng Hòa, Hà Nội (Tháng 1); Hội nghị Đối ngoại TCT (tháng 2) và các chương trình xúc tiến, đối ngoại như: chương trình chúc mừng ngày thầy thuốc VN 27/2; chương trình Hội chợ Thương mại Quốc tế lần thứ 27 – Vietnam Expo 2017 (tháng 4); chương trình Gặp mặt, giao lưu với các cơ quan báo chí, truyền thông nhân dịp kỷ niệm 92 năm Ngày Báo chí Cách mạng Việt Nam 21/6.

+ Tiếp tục duy trì và phát triển mối quan hệ với các hiệp hội, tổ chức XTTM, đối tác chiến lược: Tham dự các chương trình hội nghị, hội thảo của các Hiệp hội, các Tổ chức XTTM trong nước, VCCI nhằm tháo gỡ đẩy mạnh XK và cập nhật các thông tin về chính sách pháp luật của nhà nước, tận dụng tối đa các chương trình ưu đãi dành cho doanh nghiệp.

- Công tác phát triển quan hệ nước ngoài

- Tổ chức đoàn công tác cho Lãnh đạo và các đơn vị trong TCT Tổng công ty đi tham dự Hội chợ và kết hợp khảo sát thị trường ở các nước như: Hội chợ hoa quả thực phẩm quốc tế Fruit Logistica Berlin 2017 tháng 2 tại Đức, Hội chợ rau củ quả, thực phẩm Horti Asia Bangkok, Thái Lan (tháng 3); Hội chợ đồ nội thất trang trí Furniture tại Thái Lan (tháng 3); Hội chợ hàng Thủ công mỹ nghệ tại Ấn Độ (tháng 6).

- Tiếp tục duy trì các mối quan hệ chặt chẽ với các tổ chức XTTM trong nước; các tổ chức quốc tế, ĐSQ nước ngoài, các tổ chức Quốc tế tại Việt nam, các cơ quan đại diện của Việt Nam tại nước ngoài và thông qua các kênh hội thảo, hội nghị,...; hóa, gặp gỡ, trao đổi với đối tác và tìm hiểu sức mua, thị hiếu của khách hàng.

II- Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1- Kỳ kế toán năm (bắt đầu từ ngày 01/01/2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017).

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam

III- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1- Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán doanh nghiệp

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3- Hình thức kế toán áp dụng: Áp dụng kế toán phần mềm trên máy vi tính.

IV- Các chính sách kế toán áp dụng

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Tồn kho theo giá mua thực tế
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ:

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (Hữu hình, vô hình, thuê tài chính): Theo nguyên giá và giá trị còn lại của TSCĐ.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ (Hữu hình, vô hình, thuê tài chính): Theo phương pháp đường thẳng.

4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư
- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

- Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: Vốn chủ sở hữu
- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn: Giá gốc
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: Giá gốc
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn: Trên cơ sở các loại chứng khoán được lập dự phòng

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Ghi nhận vào TK 635
- Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: Ghi nhận vào TK 241

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

- Chi phí trả trước: Hạch toán các khoản chi phí theo đúng quy định phân bổ nhiều lần vào chi phí SXKD (TK 142 phân bổ trong 1 năm, TK 242 phân bổ trên 1 năm)

- Chi phí khác.
- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Đường thẳng
- Phương pháp và thời gian phân bổ lợi thế thương mại.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu: Theo quyết định giao vốn Nhà Nước

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu.
- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản.
- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá: Tuân thủ chuẩn mực số 10
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Ghi nhận lợi nhuận sau thuế TNDN và quy định của TT 33, 64 và quy chế của TCT.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu bán hàng: Tuân thủ 05 điều kiện ghi nhận DT quy định tại CM số 14
- Doanh thu cung cấp dịch vụ: Tuân thủ 04 điều kiện ghi nhận DT cung cấp DV tại CM số 14
- Doanh thu hoạt động tài chính: Tuân thủ 02 điều kiện ghi nhận DT hoạt động TC quy định tại CM số 14
- Doanh thu hợp đồng xây dựng.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính: Tuân thủ các chuẩn mực có liên quan (Không bù trừ doanh thu hoạt động tài chính)

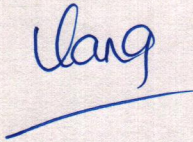
13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Tuân thủ luật thuế TNDN và các thông tư hướng dẫn, chuẩn mực 17

14- Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái: Không có

15- Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.

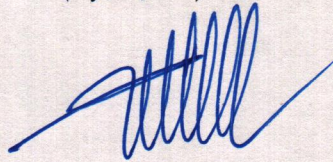
Lập, ngày 10 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Nguyễn Thu Hằng

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Đỗ Tuệ Tâm

Tổng giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Vũ Thanh Sơn